

CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRONG PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGÔN NGỮ (ĐÁNH GIÁ QUA HỌC PHẦN TIẾNG HÀN KINH TẾ - THƯƠNG MẠI)

TRẦN THỊ HẰNG¹ - HOÀNG THỊ HẢI² - TÔNG THỊ THẢO³

Abstract: The effective use of learning strategies and the accurate evaluation of their effectiveness for each subject are crucial to the students' learning process. This study focuses on surveying 35 Korean Language majors currently enrolled in the Korean for Business and Economics subject, examining the level of use and effectiveness of learning strategies using a 10-point Likert scale to identify differences in their assessment of usage and effectiveness. Based on these differences, the study identifies the causes of these discrepancies. The results show a difference in the assessment of usage and effectiveness among the strategies used by students. Furthermore, the study highlights that the primary reasons for this difference are students' limited knowledge and experience with the system of learning strategies, as well as their overestimation of the effectiveness of the strategies they frequently employ.

Keywords: *illusion of competence, learning strategies, level of effectiveness.*

1. Mở đầu

Khác với giáo dục phổ thông, trong môi trường đại học sinh viên phải tự xây dựng kế hoạch và thực hiện lộ trình học tập của chính bản thân mình. Điều này, đòi hỏi sinh viên cần phải có năng lực tự chủ trong quá trình học tập bằng việc sử dụng và áp dụng những chiến lược học tập có hiệu quả cao, đầu tư và quản lý tốt thời gian học tập của bản thân, và cuối cùng đánh giá chính xác năng lực học tập của chính mình.

Tuy nhiên, thực tế rất nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng sinh viên còn thiếu kiến thức về hệ thống các chiến lược học tập, chưa nhận thức đúng đắn về hiệu quả của chiến lược học tập mà bản thân thường xuyên sử dụng. Đồng thời, sinh viên có xu hướng đánh giá quá cao hoặc quá thấp năng lực của bản thân. Điều này sẽ khiến sinh viên không chỉ gặp khó khăn trong việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch học tập mà còn khiến sinh viên không thể nắm bắt được cơ hội đến với bản thân trong quá trình làm việc tại công ti và cuộc sống ngoài xã hội.

Với môi trường học tập, có rất nhiều thuộc nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau và rất nhiều chiến lược học tập khác nhau nhưng không phải chiến lược nào cũng giúp sinh viên cải thiện hiệu suất học tập, cũng như cải thiện khả năng ghi nhớ trong ngắn hạn và dài hạn. Giảm thiểu đường cong quên lãng - kẻ thù của trí nhớ.

Để khắc phục được hiện tượng đường cong quên lãng của Ebbinghaus đòi hỏi sinh viên cần sử dụng những chiến lược học tập có hiệu quả cao và phù hợp với môn học - chiến lược cần nhiều nỗ lực để có thể giảm đường cong quên lãng, góp phần cải thiện khả năng ghi nhớ dài hạn trong não bộ. Một trong những yêu cầu đặt ra cho sinh viên học ngôn ngữ, khả năng nắm bắt ngôn ngữ để tái sử dụng trong tình huống xã hội, trong đời sống hàng ngày. Việc sử dụng những chiến lược học tập hiệu quả để làm chủ quá trình học tập của mình là vô cùng quan trọng, đánh giá chính xác những điểm mạnh, yếu của bản thân cũng là một năng lực vô cùng cần thiết trong quá trình học tập.

Với một môn học đặc thù là tiếng Hàn Quốc Kinh tế - Thương mại, việc nắm bắt và tái sử dụng ngôn ngữ trong những tình huống rất quan trọng đối với việc hình thành kỹ năng của sinh viên. Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu chiến lược học tập của sinh viên với một môn học định hướng phát triển kỹ năng ngôn ngữ, sinh viên đã sử dụng chiến lược học tập nào, liệu có sự khác biệt trong đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập hay không và nguyên nhân dẫn tới hiện tượng này

¹ Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: hangtt89@hau.edu.vn

² Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: hai.hoang@hau.edu.vn

³ Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: thao.tong@hau.edu.vn

là gì. Qua đó, góp phần xây dựng nền tảng tri thức về hệ thống chiến lược học tập cho sinh viên, đề xuất giải pháp để sinh viên áp dụng chiến lược học tập hiệu quả trong quá trình học phù hợp với đặc thù của từng môn học.

2. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu này dựa trên cơ sở lý thuyết nghiên cứu về đường cong quên lãng của Hermann Ebbinghaus. Theo Hermann Ebbinghaus đường cong quên lãng của trí nhớ cho thấy cách con người đánh mất thông tin theo thời gian nếu chúng ta không cố gắng lưu giữ nó. Tương tự, trong quá trình học, nếu sinh viên không ứng dụng những chiến lược học tập có hiệu quả đảm bảo duy trì và lưu giữ kiến thức một cách lâu dài trong bộ nhớ dài hạn thì sinh viên sẽ nhanh chóng đánh mất kiến thức tiếp thu được theo thời gian. Do vậy, việc ứng dụng những chiến lược học tập có hiệu quả cao đối với việc lưu trữ kiến thức trong bộ nhớ dài hạn có vai trò vô cùng quan trọng, chiến lược này không chỉ giúp sinh viên ghi nhớ được kiến thức trong bộ nhớ dài hạn mà còn góp phần quan trọng trong việc giảm đường cong quên lãng.

Đồng thời, nghiên cứu dựa trên lý thuyết nghiên cứu về hiệu ứng Dunning - Kruger. Lý thuyết này cho biết hiện tượng tâm lý mô tả sự đánh giá sai lệch của bản thân về khả năng hay nhận thức của chính bản thân trong một lĩnh vực nào đó. Người có trình độ hay năng lực không cao trong một lĩnh vực nào đó có xu hướng đánh giá khả năng của mình cao hơn thực tế. Tương tự, sinh viên có xu hướng đánh giá cao những chiến lược học tập mà sinh viên thường xuyên sử dụng, nhưng thực tế đó là những chiến lược học tập được các nhà nghiên cứu đánh giá mức độ hiệu quả thấp. Nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng, sinh viên không chỉ thiếu tri thức về hệ thống các chiến lược học tập mà còn thiếu kinh nghiệm áp dụng các chiến lược học có hiệu quả cao trong quá trình học.

2.1. Sự khác biệt trong đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập

Để có những thay đổi hành vi học tập của sinh viên, chúng ta cần hiểu rõ cách mà sinh viên học và tại sao những thói quen học tập của sinh viên đôi khi không hiệu quả. Theo nghiên cứu của Blashman (2016) sinh viên dự định sử dụng 3 chiến lược học tập là đọc nội dung ghi trong ghi chú, sử dụng thẻ từ vựng và ghi chép lại nội dung trong ghi chú. Nhưng thực tế, sinh viên sử dụng chiến lược đọc lại nội dung ghi trong ghi chú, đọc đi đọc lại, đánh dấu/ gạch chân - chiến lược học tập có hiệu quả thấp.

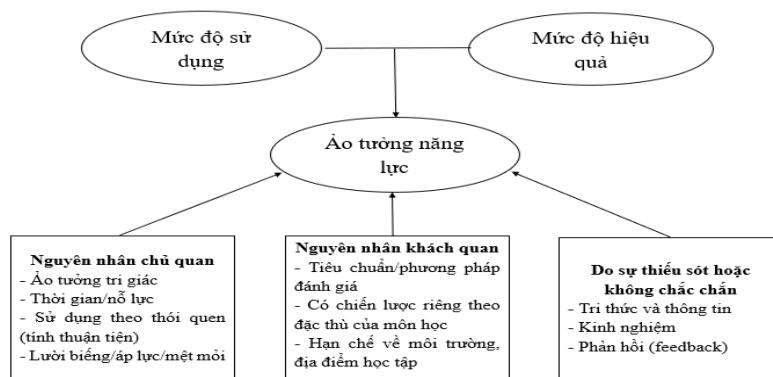
Trong nghiên cứu của Maria Cervin - Ellqvist (2020), chú trọng nghiên cứu xem sinh viên ngành kỹ thuật đã sử dụng những chiến lược học tập như thế nào trong và ngoài lớp học, họ đánh giá ra sao về hiệu quả của các chiến lược học tập. Kết quả cho thấy, sinh viên ngành kỹ thuật thường sử dụng các chiến lược học tập: học lại các bài kiểm tra cũ, đọc tài liệu, thực hành để giải quyết vấn đề. Về hiệu quả của các chiến lược học tập: sinh viên đã nhận thức được hiệu quả của các chiến lược có hiệu quả cao, nhưng lại đánh giá cao những chiến lược có hiệu quả thấp.

Theo nghiên cứu của Seok Boyoung và Kang Echeol (2019a), sinh viên thường đánh giá cao hiệu quả của các chiến lược học tập họ thường xuyên sử dụng nhưng chưa có nhận thức đúng về hiệu quả thực sự của những chiến lược học tập đó. Hiện tượng này, gọi là “ảo tưởng năng lực” (illusion of competence), khiến sinh viên tin rằng chiến lược học của mình hiệu quả hơn so với thực tế. Sinh viên tự tin vì có thể ghi nhớ kiến thức, nhưng thực tế gặp khó khăn khi áp dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống.

Bên cạnh đó, việc sinh viên sử dụng các chiến lược học tập có hiệu quả thấp - không đòi hỏi nhiều nỗ lực và dễ sử dụng - thường dẫn đến hiện tượng ảo tưởng năng lực của bản thân, tức sinh viên có xu hướng đánh giá quá cao thành tích học tập của bản thân.

2.2. Nguyên nhân của hiện tượng ảo tưởng trong đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của chiến lược học tập

Theo nghiên cứu của Seok BoYoung, Kang Echeol (2019b), nguyên nhân chính dẫn đến hiện tượng ảo tưởng trong đánh giá về mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của các chiến lược học tập bao gồm sự thiếu hụt trong nhận thức của sinh viên và cả các yếu tố tâm lý, phương pháp đánh giá của học phần hay những kinh nghiệm của chính bản thân người học.



Hình 1. Nguyên nhân ảo tưởng năng lực đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả chiến lược học tập

Một nguyên nhân quan trọng khác của hiện tượng ảo tưởng năng lực là sự tự tin thái quá của sinh viên trong việc đánh giá khả năng học tập của bản thân. Theo lý thuyết *Dunning - Kruger Effect*, những người có năng lực thấp hoặc kiến thức hạn chế thường có xu hướng đánh giá quá cao khả năng của mình, vì họ không nhận thức được những thiếu sót trong kiến thức và kỹ năng. Sinh viên có thể cảm thấy rằng họ đã học tốt hoặc áp dụng đúng chiến lược học tập nhưng thực tế họ chưa thực sự hiểu sâu về môn học. Điều này khiến họ đánh giá sai mức độ hiệu quả của các chiến lược học tập và có thể dẫn đến việc tiếp tục sử dụng những chiến lược không thực sự hiệu quả, làm giảm khả năng cải thiện năng lực và thành tích học tập.

Sinh viên có niềm tin chủ quan đối với hiệu quả của những chiến lược học tập mà họ đã và đang áp dụng. Điều này có nghĩa là nhiều sinh viên cho rằng các chiến lược quen thuộc như đọc đi đọc lại hay ghi nhớ từ khóa là các chiến lược học tập hiệu quả vì cảm thấy dễ hiểu và dễ nhớ, dễ sử dụng, dù thực tế các nhà nghiên cứu xác định đây là chiến lược học tập có hiệu quả thấp.

Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến hiện tượng ảo tưởng về năng lực đánh giá mức độ hiệu quả và mức độ sử dụng chiến lược học tập là do sinh viên chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và thông tin về hiệu quả của các chiến lược học tập. Nguyên nhân này bắt nguồn từ thực tế rằng các chiến lược học tập vẫn chưa nhận được sự quan tâm đúng mức trong môi trường giáo dục và việc hướng dẫn về cách lựa chọn và sử dụng các chiến lược một cách có hệ thống vẫn còn hạn chế.

Đối với các học phần chuyên ngành, liệu có sự khác biệt trong đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập. Nghiên cứu tập trung giải quyết câu hỏi sau:

(1) Sinh viên đánh giá thế nào về mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập môn Tiếng Hàn Quốc Kinh tế - Thương mại?

(2) Những nguyên nhân nào dẫn đến sự khác biệt trong đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập môn Tiếng Hàn Quốc Kinh tế - Thương mại?

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Bối cảnh nghiên cứu

Hiện tượng ảo tưởng năng lực đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả các chiến lược học tập của sinh viên là một vấn đề nghiêm trọng trong giáo dục, đặc biệt trong các môn học chuyên ngành đòi hỏi sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành như Tiếng Hàn Quốc Kinh tế - Thương mại.

Học phần Tiếng Hàn Quốc Kinh tế - Thương mại - học phần chuyên ngành cung cấp cho sinh viên thuật ngữ chuyên sâu nhằm phục vụ cho giao tiếp và xử lý công việc trong môi trường kinh doanh Hàn Quốc với 76 khái niệm kinh tế - thương mại liên quan đến nhiều chủ đề cốt lõi trong kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc tại doanh nghiệp Hàn Quốc.

Bên cạnh đó, học phần này còn đòi hỏi sinh viên phải có khả năng vận dụng linh hoạt các khái niệm đã học vào thực tế, đặc biệt là trong các tình huống giao tiếp và giải quyết công việc đặc thù trong môi trường doanh nghiệp Hàn Quốc. Do đó sinh viên cần áp dụng chiến lược học tập đòi hỏi khả năng

ứng dụng cao, không chỉ học thuộc nhiều thuật ngữ chuyên ngành mà cần nắm vững kiến thức để ứng dụng ngôn ngữ trong bối cảnh thực tế.

Điều này, dẫn đến hiện tượng ảo tưởng năng lực, khi sinh viên có xu hướng đánh giá mức độ hiệu quả của chiến lược học tập bản thân sử dụng cao hơn so với hiệu quả thực tế đạt được. Đặc biệt, trong một học phần yêu cầu sự kết hợp giữa kỹ năng ngôn ngữ, tư duy phân tích và hiểu biết về văn hoá doanh nghiệp, sự chênh lệch giữa nhận thức chủ quan và kết quả thực tế càng trở nên rõ rệt hơn.

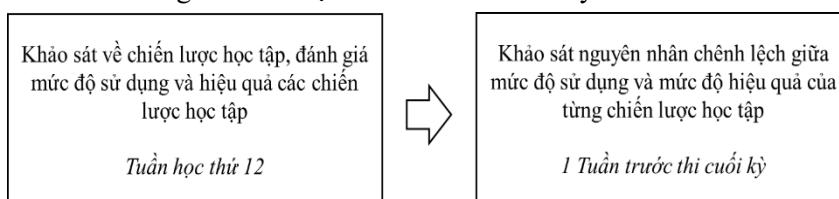
3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện với 35 sinh viên đang theo học học phần Tiếng Hàn Quốc Kinh tế - Thương mại thuộc chuyên ngành khoa Ngôn ngữ Hàn Quốc, Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội. Nghiên cứu tiến hành khảo sát các chiến lược học tập mà sinh viên sử dụng trong quá trình học, đồng thời đánh giá mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của từng chiến lược. Trên cơ sở sự khác biệt trong nhận thức giữa mức độ hiệu quả và mức độ sử dụng đối với 10 chiến lược học tập, nghiên cứu phân tích nguyên nhân của sự khác biệt trong nhận thức đối với các chiến lược có mức chênh lệch đáng kể nhằm làm rõ thực trạng sử dụng chiến lược học tập của sinh viên.

Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS. Nghiên cứu sử dụng kiểm định t-test để xác định sự khác biệt giữa mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của các chiến lược học tập; đồng thời sử dụng chỉ số d của Cohen để đo lường mức độ chênh lệch.

Tiến trình nghiên cứu cụ thể như sau:

Nghiên cứu tiến hành khảo sát chiến lược học tập của sinh viên đang học học phần Tiếng Hàn Quốc Kinh tế - Thương mại về các chiến lược học tập, đánh giá mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của các chiến lược, sau đó sẽ tính chênh lệch giữa mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của từng chiến lược học tập và tiếp tục khảo sát về nguyên nhân dẫn tới sự chênh lệch của từng chiến lược học tập đối với từng sinh viên. Tiến trình nghiên cứu dựa theo hình 2 dưới đây:



Hình 2. Tiến trình nghiên cứu

Phương pháp phân tích dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng phần mềm thống kê SPSS để xử lý dữ liệu, phân tích kết quả khảo sát. Tính giá trị t - test để xác định sự khác nhau giữa mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của các chiến lược học tập mà sinh viên sử dụng trong quá trình học học phần Tiếng Hàn Quốc Kinh tế - Thương mại. Để tính liệu kích thước sự chênh lệch giữa mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả có lớn hay không, nghiên cứu kích thước sự chênh lệch giữa mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả thông qua giá trị d của cohen.

Về nguyên nhân của sự chênh lệch trong đánh giá mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của từng chiến lược học tập, nghiên cứu sẽ đánh giá sự chênh lệch theo quy tắc sau:

- + Giá trị “+”: Nếu mức độ sử dụng lớn hơn mức độ hiệu quả.
- + Giá trị “-”: Nếu mức độ sử dụng nhỏ hơn mức độ hiệu quả.

Đối với sự chênh lệch từ -1 đến 1 thì nghiên cứu không phân tích nguyên nhân vì chỉ số chênh lệch khá nhỏ, nghiên cứu sẽ phân tích nguyên nhân theo chỉ số chênh lệch từ -6 đến -2 và từ +2 đến +9, nhằm cung cấp cái nhìn tổng quát về nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch trong đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của từng chiến lược học tập.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Sự khác biệt trong đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập môn Tiếng Hàn Quốc Kinh tế - Thương mại

Trong quá trình học tập môn Tiếng Hàn Quốc Kinh tế - Thương mại, sinh viên đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của 10 chiến lược học tập, kết quả như sau:

Khi được yêu cầu tự đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của từng chiến lược học tập, kết quả cho thấy có sự khác biệt đáng kể giữa mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược này. Cụ thể, sinh viên có xu hướng thường xuyên sử dụng các chiến lược như đọc đi đọc lại, gạch chân/ đánh dấu và ghi nhớ từ khoá - những chiến lược được đánh giá có mức độ hiệu quả thấp. Ngược lại, các chiến lược đã được chứng minh là mang lại hiệu quả cao hơn - thực hành kiểm tra và thực hành phân tán - ít được sinh viên lựa chọn sử dụng. Cụ thể, một chiến lược có hiệu quả thấp - đọc đi đọc lại - lại được sử dụng nhiều, trong khi một chiến lược có hiệu quả cao hơn - thực hành xen kẽ - lại ít được sinh viên sử dụng. Không có sự khác biệt giữa mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược còn lại.

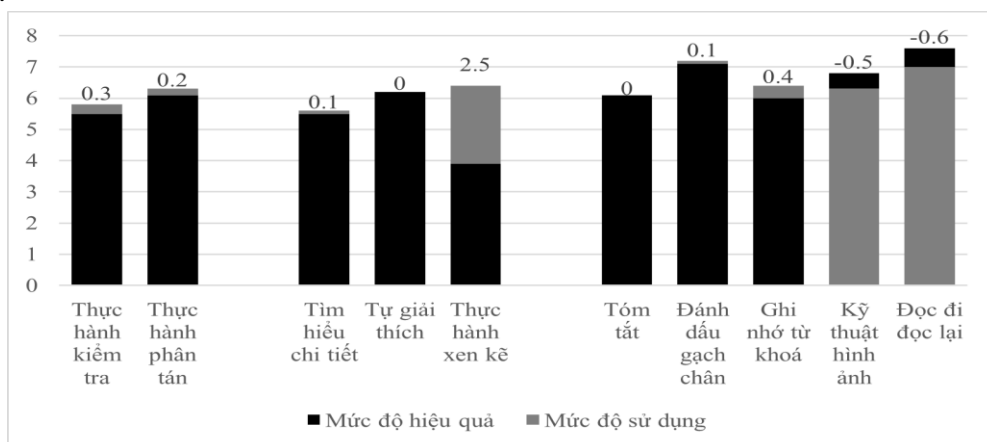
Bảng 1. Đánh giá về mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập

Mức độ hữu dụng	Chiến lược học tập	Mức độ sử dụng		Mức độ hiệu quả		<i>t</i>	<i>d</i>
		M	SD	M	SD		
Cao	Thực hành kiểm tra	5.8	2.3	5.5	2.3	0.52	0.13
	Thực hành phân tán	6.3	2.5	6.1	2.5	0.29	0.08
Trung	Tìm hiểu chi tiết	5.6	2.8	5.5	1.9	0.34	0.04
	Tự giải thích	6.2	2.2	6.2	2.2	-0.07	0.00
	Thực hành xen kẽ	6.4	3.0	3.9	2.6	3.75***	0.89
Thấp	Tóm tắt	6.1	2.1	6.1	2.5	0.13	0.00
	Đánh dấu gạch chân	7.2	2.0	7.1	2.5	0.28	0.04
	Ghi nhớ từ khoá	6.4	2.6	6.0	2.4	0.84	0.15
	Kỹ thuật hình ảnh	5.8	2.3	6.3	2.2	-1.22	0.22
	Đọc đi đọc lại	6.4	2.4	7.0	2.4	-2.55*	0.25

* $p < .05$, ** $p < .01$, *** $p < .001$.

Về giá trị t-test sự khác biệt giữa mức độ sử dụng và hiệu quả của 10 chiến lược học tập chỉ có ý nghĩa thống kê với hai chiến lược là: thực hành xen kẽ - chiến lược hiệu quả tầm trung và đọc đi đọc lại - chiến lược hiệu quả thấp.

Kích thước sự khác biệt giữa mức độ sử dụng và hiệu quả của chiến lược học tập thực hành xen kẽ có giá trị $d=.89$ - kích thước sự khác biệt lớn, chiến lược đọc đi đọc lại có giá trị $d=.25$ - kích thước sự khác biệt nhỏ.



Hình 3. Mức độ sử dụng và hiệu quả các chiến lược học tập

Đối với chiến lược học tập có hiệu quả cao - thực hành kiểm tra, thực hành phân tán - sinh viên đánh giá hiệu quả của những chiến lược này thấp hơn cả những chiến lược học tập có hiệu quả thấp.

Đối với chiến lược có hiệu quả tầm trung - thực hành xen kẽ - sinh viên đánh giá hiệu quả của chiến lược này thấp nhất trong 10 chiến lược học tập.

Đối với chiến lược có hiệu quả thấp, sinh viên đánh giá quá cao hiệu quả của các chiến lược học tập này.

4.2. Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt trong đánh giá mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của các chiến lược học tập

Trong nghiên cứu này, chỉ phân tích các trường hợp có chênh lệch ± 2 trở lên trong việc xem xét các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự khác biệt trong đánh giá mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của chiến lược học tập đối với môn Tiếng Hàn Quốc Kinh tế - Thương mại.

Bảng 2. Thống kê giá trị chênh lệch của từng chiến lược học tập

Chênh lệch giữa mức độ sử dụng và hiệu quả	Cao		Trung			Thấp				
	Thực hành kiểm tra	Thực hành phân tán	Tìm hiểu chi tiết	Tự giải thích	Thực hành xen kẽ	Tóm tắt	Đánh dấu/ Gạch chân	Ghi nhớ từ khoá	Kĩ thuật hình ảnh	Đọc đi đọc lại
+2 ~ +9	6(26,1)	8(33,3)	6(24)	4(16,7)	12(54,5)	9(39,1)	5(27,8)	8(36,4)	2(10,5)	1(4,6)
-1 ~ +1	10(43,5)	8(33,3)	10(40)	13(54,1)	7(31,9)	5(21,8)	8(44,4)	7(31,8)	6(31,6)	14(63,6)
-6 ~ -2	7(30,4)	8(33,3)	9(36)	7(29,2)	3(13,6)	9(39,1)	5(27,8)	7(31,8)	11(57,9)	7(31,8)
Khoảng giá trị chênh lệch	-5~+9	-6~+9	-5~+9	-4~+9	-6~+9	-3~+7	-4~+4	-5~+9	-6~+9	-4 ~ 2

Phạm vi giá trị chênh lệch từ +2 ~ +9 là mức độ sử dụng cao hơn mức độ hiệu quả và ngược lại, phạm vi giá trị chênh lệch nằm ở mức -6 đến -2 cho thấy những chiến lược được sinh viên đánh giá hiệu quả cao hơn mức độ sử dụng trong thực tế.

Bảng 3. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự khác biệt trong mức độ hiệu quả và mức độ sử dụng theo từng chiến lược học tập

Mức độ sử dụng	Chiến lược học tập	Mức độ sử dụng - Mức độ hiệu quả	Nguyên nhân chính	
			Từ 2 trở lên	Từ 2 trở lên
Cao	Thực hành kiểm tra	+2 ~ +9	I.4	
		-2 ~ -6		I.4
	Thực hành phân tán	+2 ~ +9	I.4	
		-2 ~ -6		I.1=I.2=I.4
Trung	Tìm hiểu chi tiết	+2 ~ +9	E.2=U.2	
		-2 ~ -6		I.1=U.2=U.3
	Tự giải thích	+2 ~ +9	U.2	
		-2 ~ -6		I.3
	Thực hành xen kẽ	+2 ~ +9	U.2	
		-2 ~ -6		I.1=E.1=U.2
Thấp	Tóm tắt	+2 ~ +9	I.4	
		-2 ~ -6		I.2
	Đánh dấu gạch chân	+2 ~ +9	I.1	
		-2 ~ -6		I.1
	Ghi nhớ từ khoá	+2 ~ +9	I.1=E.1	
		-2 ~ -6		I.1
	Kĩ thuật hình ảnh	+2 ~ +9	U.2	
		-2 ~ -6		I.1
	Đọc đi đọc lại	+2 ~ +9	U.1	
		-2 ~ -6		I.2

Nguyên nhân chủ quan (I):	<i>I.1: Bản thân cảm thấy có hiệu quả cao</i> <i>I.2: Không đủ thời gian thực hiện, thiếu nỗ lực</i> <i>I.3: Sử dụng theo thói quen</i> <i>I.4: Chưa chăm chỉ học, cảm thấy áp lực và mệt mỏi</i>
Nguyên nhân khách quan (E):	<i>E.1: Tiêu chuẩn/phương pháp đánh giá môn học</i> <i>E.2: Đặc thù của môn học</i> <i>E.3: Hạn chế về môi trường, địa điểm học tập</i>
Do sự thiếu sót và chưa chắc chắn (U):	<i>U.1: Thiếu thông tin và nhận thức về chiến lược học tập</i> <i>U.2: Thiếu kinh nghiệm sử dụng các chiến lược học tập</i> <i>U.3: Thiếu phản hồi về việc sử dụng và hiệu quả của các chiến lược</i>

Đối với chiến lược học tập có hiệu quả cao: Chiến lược “thực hành kiểm tra” nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch giữa mức độ sử dụng và hiệu quả do “chưa chăm chỉ học, cảm thấy áp lực và mệt mỏi”. Với chiến lược “thực hành phân tán”, mức độ sử dụng cao hơn mức độ hiệu quả do “chưa chăm chỉ học, cảm thấy áp lực và mệt mỏi” và nguyên nhân khiến mức độ hiệu quả cao hơn mức độ sử dụng do “bản thân cảm thấy có hiệu quả cao”, “không đủ thời gian thực hiện, thiếu nỗ lực”, “sử dụng theo thói quen”.

Đối với chiến lược có hiệu quả trung bình: chiến lược “Tìm hiểu chi tiết” mức độ sử dụng cao hơn mức độ hiệu quả là do “đặc thù của môn học” và “thiếu kinh nghiệm sử dụng các chiến lược học tập”. Nguyên nhân khiến sinh viên đánh giá hiệu quả sử dụng cao hơn mức độ hiệu quả là “bản thân cảm thấy hiệu quả cao” và “thiếu kinh nghiệm sử dụng các chiến lược học tập”, “thiếu phản hồi về việc sử dụng và hiệu quả của các chiến lược”. Đối với chiến lược “tự giải thích”, nguyên nhân chính khiến sinh viên phán đoán mức độ hiệu quả cao hơn mức độ sử dụng là “sử dụng theo thói quen”, nhưng với trường hợp đánh giá mức độ sử dụng cao hơn mức độ hiệu quả do nguyên nhân “thiếu kinh nghiệm sử dụng các chiến lược học tập”. Còn với chiến lược “thực hành xen kẽ”, mức độ sử dụng được đánh giá cao hơn mức độ hiệu quả cũng do nguyên nhân “thiếu kinh nghiệm sử dụng các chiến lược học tập”, nhưng trong trường hợp mức độ hiệu quả cao hơn mức độ sử dụng vì “bản thân cảm thấy chưa có hiệu quả cao”, “tiêu chuẩn/phương pháp đánh giá môn học” và “thiếu kinh nghiệm sử dụng các chiến lược học tập”.

Với các chiến lược học tập thuộc nhóm mức độ hiệu quả thấp, trước hết chiến lược “tóm tắt” với những trường hợp có mức độ sử dụng cao hơn mức độ hiệu quả là do nguyên nhân “chưa chăm chỉ học, cảm thấy áp lực và mệt mỏi”, còn với các trường hợp được đánh giá là mức độ hiệu quả cao hơn mức độ sử dụng là do “không đủ thời gian thực hiện, thiếu nỗ lực”. Nguyên nhân chiến lược “đánh dấu, gạch chân” được phán đoán có mức độ sử dụng cao hơn mức độ hiệu quả và mức độ hiệu quả cao hơn mức độ sử dụng đều là do “bản thân cảm thấy có hiệu quả cao”. Còn với chiến lược “ghi nhớ từ khoá”, sinh viên đánh giá mức độ sử dụng cao hơn mức độ hiệu quả do “bản thân cảm thấy có hiệu quả cao” và “tiêu chuẩn/phương pháp đánh giá môn học”, và mức độ hiệu quả cao hơn mức độ sử dụng cũng là do “bản thân cảm thấy có hiệu quả cao”. Với chiến lược “kỹ thuật hình ảnh”, nguyên nhân chính khiến mức độ sử dụng cao hơn mức độ hiệu quả là do “thiếu kinh nghiệm sử dụng các chiến lược học tập”, và nguyên nhân khiến mức độ hiệu quả cao hơn mức độ sử dụng là do “bản thân cảm thấy có hiệu quả cao”. Chiến lược “đọc đi đọc lại” được sinh viên đánh giá có mức độ sử dụng cao hơn mức độ hiệu quả do “thiếu thông tin và nhận thức về chiến lược học tập”, và mức độ hiệu quả được nhận xét cao hơn mức độ sử dụng do nguyên nhân “không đủ thời gian thực hiện, thiếu nỗ lực”.

5. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu có thể rút ra một số kết luận như sau:

Thứ nhất, sinh viên thường xuyên sử dụng chiến lược học tập có hiệu quả thấp như: Đánh dấu/gạch chân, đọc đi đọc lại, ghi nhớ từ khoá trong quá trình học môn học phần Tiếng Hàn Quốc Kinh tế - Thương Mại. Vì những chiến lược học thấp có hiệu quả thấp thường dễ sử dụng, không cần nhiều nỗ lực và thuận tiện ứng dụng trong quá trình học tập. Thứ hai, trong đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập: Sinh viên cho thấy có sự khác biệt trong đánh giá, sự chênh lệch giữa mức độ sử dụng với mức độ hiệu quả chỉ có giá trị thống kê đối với chiến lược “thực hành xen kẽ” và “đọc đi đọc lại”. Kết quả cho thấy sinh viên có hiện tượng ảo tưởng năng lực đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập. Sinh viên đánh giá rất cao hiệu quả của các chiến lược học tập

có mức độ hiệu quả thấp và đánh giá thấp hiệu quả của các chiến lược học tập có mức độ hiệu quả cao. Thứ ba, về nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hiện tượng ảo tưởng năng lực đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập do thiếu kiến thức và kinh nghiệm sử dụng các chiến lược học tập, nguyên nhân chủ quan từ sinh viên cảm thấy các chiến lược học tập đang sử dụng có hiệu quả. Đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu được nhiều nhà nghiên cứu trước đó khẳng định, phù hợp với lý thuyết về hiệu ứng Dunning - Kruger được trình bày trong kết quả nghiên cứu trước đó.

Trên cơ sở những kết quả của nghiên cứu, nhằm khắc phục hiệu ứng Dunning - Kruger trong quá trình học tập, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp như sau:

Trước tiên, cần cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ thống các chiến lược học tập đảm bảo sinh viên có được tri thức và kinh nghiệm sử dụng các chiến lược học tập trong quá trình học tập không chỉ với những học phần chuyên ngành - Tiếng Hàn Quốc Kinh tế - Thương mại - mà cả những học phần kỹ năng tiếng và học phần trong khối kiến thức giáo dục đại cương.

Tiếp theo, để giảm hệ quả của hiệu ứng Dunning - Kruger cũng như giảm đường cong quên lãng, giảng viên cần cung cấp cho sinh viên kiến thức về chiến lược học tập có hiệu quả cao - thực hành phân tán và thực hành kiểm tra - chiến lược đòi hỏi nhiều nỗ lực của sinh viên khi ứng dụng trong quá trình học tập nhưng đem lại hiệu quả cao cho quá trình cải thiện kỹ năng ghi nhớ và góp phần giúp duy trì kiến thức trong bộ nhớ dài hạn và giảm đường cong quên lãng của Ebbinghaus.

Cuối cùng, để áp dụng những chiến lược học tập có hiệu quả cao - chiến lược đòi hỏi nhiều nỗ lực cao - giảng viên cần ứng dụng thường xuyên trong quá trình giảng dạy, góp phần giảm tải áp lực cho sinh viên khi sử dụng bằng cách đa dạng hoá kỹ thuật áp dụng trong lớp học như: áp dụng kỹ thuật Bellwork (bài học đầu giờ) vào đầu giờ học, trong giờ học với kỹ thuật 3R (Read (đọc) - Recite (Trình bày lại) - Review (Ôn tập)), cuối giờ học áp dụng kỹ thuật truy xuất thông tin như Thẻ Exit Ticker (bài tập cuối giờ học) hay kỹ thuật PUREMEM (Lyle, K. B., & Crawford, N. A, 2011) - viết tắt của Pure Memory (Trí nhớ thuần túy) hoặc Practicing Unassisted Retrieval (Thực hành nhớ lại không cần hỗ trợ để tăng cường trí nhớ đối với các kiến thức thiết yếu).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bjork, R. A., Dunlosky, J., & Kornell, N. (2013). *Self-regulated learning: Beliefs, techniques, and illusions*. Annual review of psychology, 64(1), 417-444.
2. Blasiman, R. N., Dunlosky, J., & Rawson, K. A. (2017). *The what, how much, and when of study strategies: Comparing intended versus actual study behaviour*. Memory, 25(6), 784-792.
3. Cervin-Ellqvist, M., Larsson, D., Adawi, T., Stöhr, C., & Negretti, R. (2021). *Metacognitive illusion or self-regulated learning? Assessing engineering students' learning strategies against the backdrop of recent advances in cognitive science*. Higher Education, 82(3), 477-498.
4. Dunning, D. (2011). *The Dunning-Kruger effect: On being ignorant of one's own ignorance*. In *Advances in experimental social psychology* (Vol. 44, pp. 247-296). Academic Press.
5. Dunlosky, J., Rawson, K. A., Marsh, E. J., Nathan, M. J., & Willingham, D. T. (2013). *Improving students' learning with effective learning techniques: Promising directions from cognitive and educational psychology*. Psychological Science in the Public Interest, 14(1), 4-58.
6. Koriati, A., & Bjork, R. A. (2005). *Illusions of competence in monitoring one's knowledge during study*. Journal of Experimental Psychology: Learning, Memory, and Cognition, 31(2), 187-194.
7. Lyle, K. B., & Crawford, N. A. (2011). *Retrieving essential material at the end of lectures improves performance on statistics exams*. Teaching of Psychology, 38(2), 94-97.
8. 강이철 (2017). 시험치기 학습전략의 이론적 근거와 활용 실태. 사고개발, 13(4), 41-66.
9. 석보영, & 강이철. (2019). 학습판단에 반영된 역량의 착각 현상 분석. 사고개발, 15(2), 27-48.
10. 석보영, & 강이철. (2019). 학습전략의 효과성 판단에서 역량의 착각 원인 분석. 사고개발, 15(3), 73-95.
11. 짚티향, 석보영, & 강이철. (2021). 베트남 대학생의 학습역량 착각현상 분석. 사고개발, 17(3), 105-129.